

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ T

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÀNH PHỐ H

Bản án số: 116/2023/HS-ST

Ngày: 28-3-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T – THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Nguyễn Văn Phòng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Thị Mai T; giới tính: Nữ; sinh ngày: 19/02/1993; Nơi sinh: tỉnh BT; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B7-18 Chung cư Moonlight, 102 Đặng Văn Bi, phường B, thành phố T, Thành phố H; Chỗ ở hiện nay: B7-18 Chung cư Moonlight, 102 Đặng Văn Bi, phường B, thành phố T, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Lê Văn L (chết) và bà Đinh Thị Thu B, sinh năm: 1958; gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út; chồng bị cáo tên Bùi Hoàng A, sinh năm: 1986; con tên Bùi Anh H, sinh năm: 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm: 1968, địa chỉ: 81 Phùng Hưng, Phường 13, Quận 5, Thành phố H. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1992, địa chỉ: 49/2D ấp trung Lân, xã Bà Điểm, huyện HM, Thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6/2019, Lê Thị Mai T liên lạc với anh Nguyễn Anh T1 là Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Vận tải TL (gọi tắt Công ty TL) để tiếp tục nhận làm “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” cho Công ty TL và sau đó, anh T1 đồng ý; T đến Công ty TL gặp anh T1 và trao đổi bao trọn đến khi nhận “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” với giá 30.000.000 đồng thì anh T1 thấy giá cả hợp lý nên đồng ý (chưa giao tiền); anh T1 cung cấp các giấy tờ do T yêu cầu. Sau đó, T nhờ anh Nguyễn Văn T2 là kỹ sư hóa chất để làm giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất. T nhận hồ sơ của anh T1 giao lại cho anh T2 và ứng số tiền 25.000.000 đồng chi phí đi lại và đóng tiền làm giấy tờ theo quy định.

Sau đó, anh T2 nộp hồ sơ đề nghị cấp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp”, ngày 26/12/2019, Sở Công Thương Thành phố H có Công văn số 8267/SCT-KTATMT yêu cầu Công ty TL bổ sung hồ sơ cho hoàn thiện. anh T2 liên lạc với T cần bổ sung hồ sơ và T liên lạc anh T1 bổ sung các giấy tờ nhiều lần nhưng vẫn không đầy đủ điều kiện cấp.

Đến khoảng đầu tháng 8/2020, anh T1 nhiều lần liên lạc với T việc cấp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” thì T lấy file “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” chỉnh sửa tên từ Chi nhánh Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại KVT, địa chỉ: 138B Trần Quý, Phường 6, Quận 11, Thành phố H thành Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Vận tải TL; địa chỉ: 81 Phùng Hưng, Phường 13, Quận 5, Thành phố H rồi lưu lại vào USB. Cách thức làm giả như sau:

- Bước 1: Tạo 01 file word trên máy tính với nội dung dựa trên 01 bản giấy

mẫu của “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” do Sở Công Thương đã cấp cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại KVT.

- Bước 2: Thay thông tin doanh nghiệp trên giấy bằng thông tin của Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Vận tải TL và các chỉ số thông tin hóa chất/thành phần.

- Bước 3: Sử dụng giấy mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện của Chi nhánh Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại KVT ra file PDF và cắt phần chữ ký, hình dấu của Sở Công Thương dán lên file word đã thực hiện.

Sau đó T lưu vào USB và đem USB đến tiệm photocopy trên đường Đặng Văn Bi, phường TT, thành phố T (không nhớ thời gian và địa chỉ) và in “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” (tiệm photocopy không biết T in tài liệu giả), T tự ghi số, ngày cấp và gửi “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” rồi gửi cho anh Nguyễn Anh T1. Khi nhận giấy chứng nhận do T gửi thì anh T1 không biết giấy chứng nhận trên do T làm giả và 02 ngày sau, T đến gặp anh T1, anh T1 đã đưa cho T 30.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó. Đến ngày 09/11/2020, Đoàn Thanh tra - Sở Công Thương Thành phố H kiểm tra “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” của Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Vận tải TL và anh T1 cung cấp thì bị thu giữ.

Ngày 11/11/2020, T đến Sở Công Thương làm việc và thừa nhận hành vi tự mình làm giả “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” cho Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Vận tải TL và ngày 16/11/2020 T đã chuyển khoản trả lại 30.000.000 đồng cho anh T1, anh T2 đã trả hồ sơ cùng số tiền 25.000.000 đồng cho T vì không bổ sung đầy đủ hồ sơ. anh T2 hoàn toàn không biết việc T làm giả tài liệu và lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của anh T1.

Bản kết luận số 1732/KLGD-TT ngày 24/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H Kết luận: “*Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số 188/GCNDĐK-SCT cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục 11.1) là giả. Hình dấu tròn và chữ ký đứng tên Nguyễn Phương Đông được làm giả bằng phương pháp in phun màu*”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Lê Thị Mai T nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 USB hiệu Transcen có chứa dữ liệu liên quan đến việc làm giả tài liệu.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Anh T1 đã nhận lại số tiền 30.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì, có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Cáo trạng số 100/CT-VKSTPTĐ ngày 16/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố H truy tố bị cáo Lê Thị Mai T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Lê Thị Mai T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”; áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Mai T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”; và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 03 tháng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng; xử lý vật chứng: lưu hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Transcen có chứa dữ liệu liên quan đến việc làm giả tài liệu; máy tính T sử dụng làm tài liệu giả, đã bán không xác định được người mua nên không thu hồi được; trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Anh T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm sóc gia đình, con nhỏ.

- Bị hại ông Nguyễn Anh T1 trình bày: Khi bị cáo T gửi “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” ghi số 188 /GCNĐĐK-SCT ngày 03/8/2020 của Sở Công Thương Thành phố H ông tin đó là giấy chứng nhận thật nên khi Sở Công thương yêu cầu mang giấy đến để kiểm tra thì ông cũng mang đến chứ hoàn toàn không biết đó là

tài liệu giả. Sau khi xảy ra vụ việc, bị cáo T cũng đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng cho anh, anh không có yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản chất bị cáo cũng là người tốt, do suy nghĩ nông cạn bị cáo mới làm vậy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong quá trình điều tra truy tố là thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét, quá trình tố tụng, bị cáo Lê Thị Mai T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo đều thống nhất với nhau trong các Bản tự khai, Bản tường trình; Biên bản ghi lời khai; Biên bản hỏi cung bị can và phù hợp với: Bản kết luận số 1732/KLGD-TT ngày 24/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở pháp lý xác định:

Khoảng tháng 8/2020, Lê Thị Mai T có hành vi làm giả 01 “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” ghi số 188 /GCNĐĐK-SCT ngày 03/8/2020 của Sở Công Thương Thành phố H (Theo Bản kết luận số 1732/KLGD-TT ngày 24/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H), sau đó dùng thủ đoạn gian dối là lấy tài liệu giả do mình tự tạo đưa cho anh T1, anh T1 tin là tài liệu thật để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của anh Nguyễn Anh T1. Xét thấy, hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức với mục đích để chiếm đoạt tài sản mà bị cáo đã thực hiện có mối quan hệ tất yếu, chặt chẽ với nhau, hành vi làm giả tài liệu là tiền đề thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến 02 khách thể khác nhau được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác và xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội độc lập. Do đó, bị cáo bị cáo phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi đã thực hiện. Với những hành vi trên, bị cáo đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều

341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với anh Nguyễn Anh T1 có hành vi sử dụng “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” nhưng không biết là giấy giả nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T2 nhận làm dịch vụ cho T nhưng T không bổ sung đủ hồ sơ nên anh T2 đã trả lại toàn bộ tài liệu và số tiền tạm ứng trước và hoàn toàn không biết việc T đã làm tài liệu giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Anh T1 nên không có căn cứ xử lý anh T2.

[3] Lời khai của bị cáo đã thống nhất với tội danh và Điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội đối với bị cáo. Như vậy, nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố bị cáo Lê Thị Mai T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại khoản 1, Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất của vụ án: Bị cáo biết rõ việc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và bị pháp luật trừng trị nhưng để đạt được mục đích về lợi ích vật chất của bản thân nên bị cáo đã bất chấp, tự mình thực hiện các thủ thuật để tạo ra được tài liệu giả và dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Như vậy, trong vụ án này hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành về 02 tội độc lập, đều là tội ít nghiêm trọng. Hành vi trên của bị cáo Lê Thị Mai T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác và tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, cũng xét: Bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong suốt quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa; bị cáo có nhân thân tốt chưa từng có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có ông nội Lê T1, sinh năm: 1925 được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất theo Quyết định số 48 ngày 06/3/1987 của Hội đồng Bộ trưởng và bà nội là Huỳnh Thị Ninh được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì theo Quyết định số 48 ngày 06/3/1987 của Hội

đồng Bộ trưởng. Ngoài ra, bị cáo có con nhỏ mắc bệnh tim, bị cáo có việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy trong thời gian từ khi tại ngoại cho đến nay, bị cáo T chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng tự cải tạo. Việc không cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian không làm ảnh hưởng đến việc phòng chống tội phạm tại địa phương, cần tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo sửa chữa lỗi lầm của mình dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương.

Với nhận định như trên và theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và điểm b Mục 2 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo Lê Thị Mai T đủ điều kiện được hưởng án treo và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Do đó, áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Vật chứng vụ án:

01 USB hiệu Transcen có chứa dữ liệu là tài liệu liên quan đến vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

Đối với máy tính bị cáo sử dụng để tạo file tài liệu giả là của quán cà phê địa chỉ 148/15/ Đường 59, Phường 14, quận G do T trực tiếp kinh doanh (nhận sang nhượng lại quán nhưng không lập giấy tờ), đến tháng 9/2020 thì sang nhượng cho người khác, sang nhượng toàn bộ các tài sản của quán phục vụ kinh doanh bao gồm cả máy tính đặt ở quán (cũng không lập giấy tờ). Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã xác minh, quán đã sang cho nhiều chủ, máy tính cũng đã bán, không xác định được người mua nên không thu hồi được.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Anh T1 đã nhận lại số tiền 30.000.0000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Mai T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Mai T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 341, khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 55, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Mai T 08 (tám) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”;

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Mai T 01 (một) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị Mai T cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt trước của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

3. Lưu hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Transcen có lưu giữ dữ liệu liên quan đến vụ án.

4. Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Lê Thị Mai T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện quyền kháng cáo bản án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Nguyệt